Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2805.12.00

Mã HS	2805.12.00
Mô tả hàng hóa	Kim loại kiềm hoặc kim loại kiềm thổ; kim loại đất hiếm, scandi và ytri, đã hoặc chưa pha trộn hoặc tạo hợp kim với nhau; thủy ngân / - Kim loại kiềm hoặc kim loại kiềm thổ: / - - Canxi
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	12/11/2026 04:45:16
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/28051200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3456
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3456
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3456
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3408
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3369
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3369
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3369
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3369
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3369
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3369
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3407
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3407

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3407
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3407
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3407
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3407
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3411
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3411
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3411
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3411
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3411
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3411
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3411
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3375
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3371
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3371
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3371
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3371
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3371
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3371
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3371
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3371
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3371
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3371
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3371
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3371
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3418
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3418

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3418
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3418
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3418
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3418
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3415
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3415
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3415
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3415
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3415
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3415
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3423
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3423
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3423
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3423
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3423
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3423
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3394
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3394
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3394
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3394
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3394
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3394
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3396
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3396
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3396
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3396

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3396
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3396
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3394
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3394
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3394
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3394
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3394
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3394
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3394
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3415
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3415
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3415
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3415
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3415
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3415
RCEP B	2022	2022	0	B!D3415
RCEP B	2023	2023	0	B!E3415
RCEP B	2024	2024	0	B!F3415
RCEP B	2025	2025	0	B!G3415
RCEP B	2026	2026	0	B!H3415
RCEP B	2027	2027	0	B!I3415
RCEP C	2022	2022	0	C!D3415
RCEP C	2023	2023	0	C!E3415
RCEP C	2024	2024	0	C!F3415
RCEP C	2025	2025	0	C!G3415
RCEP C	2026	2026	0	C!H3415

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3415
RCEP D	2022	2022	0	D!D3415
RCEP D	2023	2023	0	D!E3415
RCEP D	2024	2024	0	D!F3415
RCEP D	2025	2025	0	D!G3415
RCEP D	2026	2026	0	D!H3415
RCEP D	2027	2027	0	D!I3415
RCEP E	2022	2022	0	E!D3418
RCEP E	2023	2023	0	E!E3418
RCEP E	2024	2024	0	E!F3418
RCEP E	2025	2025	0	E!G3418
RCEP E	2026	2026	0	E!H3418
RCEP E	2027	2027	0	E!I3418
RCEP F	2022	2022	0	F!D3415
RCEP F	2023	2023	0	F!E3415
RCEP F	2024	2024	0	F!F3415
RCEP F	2025	2025	0	F!G3415
RCEP F	2026	2026	0	F!H3415
RCEP F	2027	2027	0	F!I3415
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3146
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3146
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3146
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3146

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2805.12.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2805.12.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3456), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.